

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN N
TỈNH ĐỒNG NAI
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 28/2025/DS-ST
Ngày: 29-4-2025.
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoài Đức Huệ.

2. Bà Lê Thị Kim Xuyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Quân Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Đặng Vân Hoàng Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 358/2024/TLST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2025/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 121/2025/QĐST-DS ngày 11/4/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Dương Thị Ngọc L, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông Nguyễn Văn K, sinh năm: 1991.

Bà Lương Thị L1, sinh năm: 1990.

Cùng địa chỉ liên lạc: Công ty TNHH luật Trung Tín, khu trung tâm hành chính huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 06/6/2023)

- Bị đơn:

1/Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1971.

Địa chỉ thường trú: Tổ 23, ấp 3, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

2/Ông Lê Thành Đ, sinh năm 1970.

Địa chỉ thường trú: Ấp T1, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Cùng trú tại: Ấp T1, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Chị L1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà T và ông Đ vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/6/2023, các bản tự khai đề ngày 10/01/2025; ngày 14/3/2025 và ngày 28/4/2025, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn do bà Lương Thị L1 trình bày:***

Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Lê Thành Đ là vợ chồng. Vào năm 2018, vợ chồng bà T cần tiền xây nhà nên có hỏi vay tiền của bà L. Do quen biết nên bà L đồng ý cho vợ chồng bà T vay số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng. Hai bên có ký giấy nhận tiền ngày 30/6/2018, trong giấy thỏa thuận nhận tiền không ghi thời hạn vay và lãi suất. Vợ chồng bà T trả được cho bà L 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng nợ gốc thì không tiếp tục trả nợ nữa. Ngày 26/5/2022, bà T ký xác nhận còn nợ bà L 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng và hứa hẹn sẽ trả hết số nợ 400.000.000đ còn lại trong thời hạn từ ngày 26/5/2022 đến ngày 26/7/2022.

Tuy nhiên, quá thời hạn đã hẹn mà vợ chồng bà T vẫn không trả tiền cho bà L. Bà L nhiều lần hỏi thúc vợ chồng bà T trả nợ nhưng bà T cố tình dây dưa, né tránh.

Như vậy, vợ chồng bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, trực tiếp xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của bà L. Do đó, tôi đại diện bà L yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị Thu T-ông Lê Thành Đ phải liên đới trả cho bà L tiền nợ gốc và lãi chậm trả như sau:

Tiền nợ gốc: 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng.

Lãi chậm trả tính từ ngày 27/7/2022 đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 29/4/2025, làm tròn là 33 tháng, với lãi suất 10%/năm là: $400.000.000đ \times 33 \text{ tháng} \times (10\% : 12) = 110.000.000đ$.

Tổng số tiền gốc và lãi chậm trả tính đến ngày 29/4/2025 bà L yêu cầu bà T và ông Đ trả cho bà L là: $400.000.000đ + 110.000.000đ = 510.000.000đ$ (năm trăm mười triệu đồng).

Bà L1 có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 28 tháng 4 năm 2025.

Ngoài ra, bà L1 không có trình bày gì thêm.

**** Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T Tòa án đã triệu tập họp lệ bà T đến Tòa án để tham gia tố tụng tuy nhiên đương sự không đến Tòa làm việc và cũng không cung cấp ý kiến hoặc tài liệu, chứng cứ gì liên quan đến việc nguyên đơn khởi kiện.***

Bị đơn ông Lê Thành Đ vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên tại Biên bản lấy lời khai ngày 17/3/2025 thể hiện ý kiến của ông Đ như sau:

Bà Nguyễn Thị Thu T là vợ ông Đ. Hiện ông và bà T vẫn chưa ly hôn. Tuy nhiên, bà T bỏ đi đâu được 02 năm, không rõ đi đâu. Bà T cũng không liên lạc về.

Việc bà T vay tiền của bà L ông Đ không biết bà T vay để làm gì.

Nay bà L khởi kiện yêu cầu bà T và ông Đ trả nợ, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Bà T vay tiền ông Đ không biết, bà T vay thì phải tự chịu. Ông Đ xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N có ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách tố tụng, về việc xác minh, thu thập các tài liệu chứng cứ vụ án và thời hạn chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử đều được Thẩm phán thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

- Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện bà Dương Thị Ngọc L là có cơ sở để chấp nhận bởi lẽ: Bị đơn bà T, ông Đ đã ký vào “giấy nhận tiền” đề ngày 30/6/2018 giữa bên giao tiền Dương Thị Ngọc L và bên nhận tiền “ Nguyễn Thị Thu T, Lê Thành Đ” với nội dung “có nhận của bà Dương Thị Ngọc L số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng), lý do: mượn tiền xây nhà”. Ngày 26/7/2022, bà T viết tiếp “Giấy hẹn nợ” đề ngày 26/7/2022 với nội dung “có mượn chị L số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng)” tuy nhiên đến nay bà T và ông Đ vẫn chưa thanh toán số tiền trên cho bà L.

Ông Đ đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa nhưng vẫn không cung cấp các chứng cứ bảo vệ quyền lợi cho mình. Còn bà T cũng không cung cấp bất kỳ văn bản nào cho Tòa án.

Trong hợp đồng không thỏa thuận lãi suất, nhưng trong đơn khởi kiện bà L yêu cầu trả 10%/năm là đúng theo quy định Điều 468 Bộ luật dân sự và Nghị Quyết số 01 ngày 11/01/2019 về lãi là có căn cứ chấp nhận vì yêu cầu này không vượt quá quy định của nhà nước và bị đơn cũng không có ý kiến gì về phần lãi suất.

Căn cứ vào quy định tại Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Ngọc L buộc bà T và ông Đ phải liên đới trả số tiền gốc là 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng) và tiền lãi 10%/năm cho đến ngày xét xử sơ thẩm là 110.000.000 đồng. Tổng số tiền bà T và ông Đ phải trả cho bà L đến ngày xét xử sơ thẩm là 510.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Lương Thị L1 có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T, Toà án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do, không giao nộp văn bản ghi ý kiến và các tài liệu chứng cứ liên quan để bảo vệ quyền và lợi ích của mình. Nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà T. Bị đơn ông Lê Thành Đ có ý kiến xin vắng mặt. Do đó, căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà T. Việc bà T, ông Đ không giao nộp các tài liệu chứng cứ để chứng minh, bảo vệ cho quyền lợi của mình là tự từ bỏ quyền chứng minh của mình theo quy định tại Điều 6 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Toà án giải quyết vụ án trên cơ sở các tài liệu có trong hồ sơ.

[1.2] Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” nên xác định loại tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà T có địa chỉ thường trú tại : Tổ 23, ấp 3, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai, trước khi bỏ đi đã từng sinh sống tại ấp T1, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai, bị đơn ông Lê Thành Đ có địa chỉ thường trú và hiện đang sinh sống tại ấp T1, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N được quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu trả nợ gốc: Nguyên đơn bà Dương Thị Ngọc L khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu T và ông Lê Thành Đ liên đới thanh toán số tiền nợ gốc là 400.000.000 đồng. Xét, Hợp đồng vay tiền với tiêu đề “giấy nhận tiền” được ký kết giữa bà Dương Thị Ngọc L và bà Nguyễn Thị Thu T, ông Lê Thành Đ vào ngày 30/6/2018 ghi nội dung “có nhận của bà Dương Thị Ngọc L số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng), lý do: mượn tiền xây nhà” bên giao tiền ký và ghi rõ họ tên Dương Thị Ngọc L; bên nhận tiền ký và ghi rõ họ tên Nguyễn Thị Thu T, Lê Thành Đ. Ngày 26/7/2022, tại “Giấy hẹn nợ” bà T ghi nội dung “tôi tên Nguyễn Thị Thu T...có mượn chị Dương Thị Ngọc L với số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng). Hẹn chị L 26/5/2022 đến 26/7/2022 em sẽ thanh toán trả hết số nợ trên...”. Tại hồ sơ bà L cung cấp thông tin: vợ chồng bà T đã trả được số tiền gốc 600.000.000 đồng và còn lại số tiền gốc

400.000.000 đồng thì không tiếp tục trả nên bà mới yêu cầu bà T viết giấy xác nhận nợ với tiêu đề « giấy hẹn nợ ». Kể từ khi viết giấy hẹn nợ đến nay, bà T và ông Đ chưa thanh toán số tiền nợ gốc nêu trên là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ông Đ thừa nhận ông và bà T là vợ chồng, chưa ly hôn và số tiền vay của bà T và ông Đ được ký kết trong thời kỳ hôn nhân. Mặc dù, ông Đ không thừa nhận số tiền nợ đối với bà L nhưng ông Đ cũng không đưa ra được các tài liệu chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở xác định bà T và ông Đ có vay tiền của bà Dương Thị Ngọc L với số tiền gốc là 400.000.000 đồng nên cần xử buộc bà T và ông Đ phải trả cho bà L số tiền nợ gốc 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng).

[2.2] Xét yêu cầu trả nợ lãi: Hợp đồng vay tiền được ký kết giữa bà L với bà T và ông Đ vào các ngày 30/6/2018 và 26/7/2022, không thỏa thuận lãi suất. Căn cứ khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 bộ luật Tố tụng dân sự, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi kể từ ngày 27/7/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 29/4/2025, với lãi suất 10%/năm, với tổng số tiền là : 110.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Như vậy tổng số tiền bà T và ông Đ phải thanh toán cho bà L đến ngày xét xử sơ thẩm là 510.000.000 đồng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà L được chấp nhận nên bà T và ông Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị Ngọc L đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T và ông Lê Thành Đ về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Nguyễn Thị Thu T và ông Lê Thành Đ có nghĩa vụ thanh toán cho bà Dương Thị Ngọc L số tiền 510.000.000 đồng (năm trăm mười triệu đồng) (trong đó nợ gốc là 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng), nợ lãi là 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng)).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong các khoản tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải trả thêm cho người được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Lê Thành Đ phải chịu 24.400.000 đồng (hai mươi bốn triệu, bốn trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- T.H.A dân sự H. N;
- VKS H. N;
- Các đương sự.
- Lưu HS, VP.

Bùi Thị Thu Trang